TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **336/**2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Mai Văn Bé**

Bà **Dương Thị Thu Vân**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Bùi Văn Q**, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện X, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: **Huỳnh Thị Cẩm N,** sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã R, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Văn Q trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Cẩm N cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện X, tỉnh Tiền Giang. Sau cưới, vợ chồng chung sống bên gia đình anh, sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do chị N có quan hệ tình cảm với người khác nên anh gửi chị N về nhà cha mẹ ruột. Khoảng 01 năm sau, anh có đến rước chị N về nhưng khi về được một lát là chị N bỏ đi và không trở về lần nào nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, nay không còn tình cảm với chị N nữa nên anh yêu cầu được ly hôn.

-Về con chung: Không có.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về nợ chung: Không có

Chị Huỳnh Thị Cẩm N đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q.

Tại phiên tòa, anh Q vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Chị N vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Huỳnh Thị Cẩm N được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn Q và chị Huỳnh Thị Cẩm N cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2012 tại UBND xã L, huyện X, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo anh Q trình bày tại phiên tòa thì sau cưới, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do chị N có quan hệ tình cảm với người khác, anh đã gửi chị N về nhà cha mẹ vợ sinh sống, khoảng 01 năm sau anh đến rước về nhưng chị N chỉ về khoảng 15 phút thì bỏ đi luôn cho đến nay. Hiện anh không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, anh Q xin ly hôn với chị N nhưng chị N không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Q dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, chị N không đến Tòa án và vắng mặt không lý do điều này thể hiện chị N không có ý chí mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn mà để mặc cho anh Q quyết định.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện giữa anh Q và chị N không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nay anh Q xin ly hôn với chị N là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: anh Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản*: anh Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Bùi Văn Q được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm N.

2**.** *Về án phí:* Anh Q chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0009359 ngày 21/02/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện CT;
-Chi cục THADS huyện CT;
-Các đương sự;
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Bảnh